

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 26 /2009/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Xuyên, ngày 10 tháng 12 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư

| | |
|--|---------|
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG | |
| Số: | 26/2009 |
| Ngày: | 10/12 |
| Chức vụ: | |
| Lưu hồ sơ: | |

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA VII KỶ HỌP THỨ 15
(Từ ngày 08 đến ngày 10/12/2009)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BKH ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất;

Sau khi xem xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn danh mục 21 dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh (có danh mục cụ thể đính kèm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư.

Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2009 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ 4 - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Phân xã AG, Website tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND-LD.



CHỦ TỊCH

Võ Thanh Khiết

DANH MỤC

Dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2009/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

| STT | Tên dự án | Quy mô | Địa điểm | Hiện trạng khu đất | Mục đích sử dụng | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-----|---|-----------|---------------------|-----------------------------------|----------------------------|--------------------------|---------|
| 01 | Khu dân cư và Chợ Tịnh Biên. | 9,48 ha | Cửa khẩu Tịnh Biên | Đất sạch | Dân cư và chợ | BQL Khu Kinh tế cửa khẩu | |
| 02 | Khu quản lý và Thương mại - Dịch vụ cửa khẩu Vĩnh Xương | 21,5 ha | Cửa khẩu Vĩnh Xương | Đất sạch | Bảo thuế và kho ngoại quan | BQL Khu Kinh tế cửa khẩu | |
| 03 | Chợ nông sản Tân Trung. | 9,6 ha | Xã Tân Trung | Đất ở và đất sản xuất nông nghiệp | Chợ | UBND huyện Phú Tân | |
| 04 | Cơ sở hạ tầng khu Tây sông Hậu | 64.74 ha | Mỹ Long | Đất chưa bồi hoàn | Khu đô thị mới | UBND TP. Long Xuyên | |
| 05 | Khu công nghiệp Vàm Cống | 198,83 ha | Mỹ Thạnh | Đất ruộng và đất ở | Khu công nghiệp | BQL Khu công nghiệp | |
| 06 | Khu ở công nhân và tái định cư khu công nghiệp Vàm Cống | 48,086 ha | Mỹ Thạnh | Đất ruộng và đất ở | Khu nhà ở công nhân | BQL Khu công nghiệp | |

| | | | | | | | |
|----|---|-------------------------|----------------------|----------------------------------|---|-----------------------|---------------------|
| 07 | Khu đất chuyên dùng cấp Quốc lộ 91 (kho đạn cũ). | 93.774,9 m ² | TT. An Châu | Đất sạch | Công trình CN (không gây ô nhiễm, mức độ độc hại cấp V), dịch vụ thương mại | TT Phát triển quỹ đất | |
| 08 | Khu đất trại bò sữa Châu Thành. | 28.921,2 m ² | TT. An Châu | Đất sạch | Công trình CN (không gây ô nhiễm, mức độ độc hại cấp V), dịch vụ thương mại | TT Phát triển quỹ đất | |
| 09 | Khu đất khu dân cư Đông Thành. | 44.141 m ² | Mỹ Thạnh, Long Xuyên | Đất sạch | Dân cư, dịch vụ, thương mại, kho hàng, nhà máy ít gây ô nhiễm | TT Phát triển quỹ đất | Đã san lấp mặt bằng |
| 10 | Khu đất trụ sở Công an tỉnh. | 10.570,8 m ² | Long Xuyên | Trụ sở làm việc của Công an tỉnh | Xác định sau khi lập quy hoạch chi tiết | TT Phát triển quỹ đất | |
| 11 | Mở rộng khu thương mại, dịch vụ và vui chơi giải trí. | 62 ha | Vĩnh Xương | Đất nông nghiệp | Thương mại, dịch vụ và giải trí. | UBND huyện Tân Châu | |
| 12 | Khu dân cư đô thị thị trấn Tân Châu. | 88 ha | TT. Tân Châu | Đất nông nghiệp | Hạ tầng cơ sở khu dân cư, nhà ở đô thị | UBND huyện Tân Châu | |
| 13 | Khu Văn hóa – Giáo dục - Thể dục thể thao. | 24,32 ha | TT. Tân Châu | Đất nông nghiệp | Hạ tầng cơ sở phúc lợi công cộng, nhà ở đô | UBND huyện Tân Châu | |

| | | | | | | thị | |
|----|---|------------------------|----------------|--|---------------|-------------|----------------------|
| 14 | Khu đô thị mới Đông Tây đường tránh thành phố Long Xuyên. | 300 ha | TP. Long Xuyên | | | Khu đô thị | Sở Xây dựng |
| 15 | Khu đô thị mới Bắc Nam đường N1. | 200 ha | TX. Châu Đốc | | | Khu đô thị | Sở Xây dựng |
| 16 | Khu dân cư đô thị mới Đông Tây đường thị trấn Cái Dầu. | 100 ha | TT. Cái Dầu | | | Khu dân cư | Sở Xây dựng |
| 17 | Cụm dân cư Trường Tiền mở rộng | 10.490 m ² | Định Mỹ | | Đất sạch | Khu dân cư | UBND huyện Thoại Sơn |
| 18 | Khu dân cư Nam Lê Thánh Tôn và Nam Nguyễn Du. | 154.186 m ² | TT. Núi Sập | | Chưa bồi hoàn | Khu dân cư | UBND huyện Thoại Sơn |
| 19 | Cụm công nghiệp Định Thành. | 500.000 m ² | Định Thành | | Chưa bồi hoàn | Công nghiệp | UBND huyện Thoại Sơn |
| 20 | Cụm tiểu thủ công nghiệp thị trấn Núi Sập. | 200.000 m ² | TT. Núi Sập | | Chưa bồi hoàn | Công nghiệp | UBND huyện Thoại Sơn |
| 21 | Cụm công nghiệp Tân Thành. | 250.000 m ² | Vọng Thê | | Chưa bồi hoàn | Công nghiệp | UBND huyện Thoại Sơn |